

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông **Đỗ Văn Nghiêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Huy**

2. Ông **Nguyễn Đức Thành**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án HN&GD thụ lý số: 491/2018/TLST-HN&GD ngày 07 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX - ST ngày 11 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Mai H, sinh năm 1988; HKTT: phường T, quận N, thành phố Hà Nội, nơi ở: xã T, huyện T, thành phố Hà Nội – Có mặt

Bị đơn: Anh Hoàng Duy T, sinh năm 1981; HKTT: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình, chỗ ở: xã T, huyện T, thành phố Hà Nội - Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2018 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án của chị Vũ Thị Mai H như sau:

Tôi với anh Hoàng Duy T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 11/11/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống thường xuyên tranh luận và cãi nhau. Đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung; mặt khác anh T không tôn trọng tôi và gia đình tôi, có lời lẽ xúc phạm thô tục với bố mẹ tôi, dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau không ai chịu nhường ai, cuộc sống hôn nhân vợ chồng không thể kéo dài hơn nữa. Mâu thuẫn của chúng tôi đã được hai bên gia đình biết và hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu

thuần vợ chồng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử cho tôi được ly hôn với anh T.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Đức M, sinh ngày 19/10/2012. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu M. Hiện tại tôi là kết toán trưởng của Công ty cổ phần Công nghệ và TH mại C, địa chỉ: đường B phường, quận H, thành phố Hà Nội, thu nhập bình quân ổn định 13 – 14 triệu đồng/tháng, thời gian làm việc cố định, không phải đi công tác nên đảm bảo thời gian chăm sóc cho cháu M. Hơn nữa, bố mẹ tôi đã nghỉ hưu, vẫn còn sức khỏe có thể hỗ trợ cho tôi chăm sóc cháu M. Tôi đảm bảo mình có đủ điều kiện về chỗ ở, kinh tế và thời gian để trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Về chỗ ở, hiện tại tôi và anh T đang cùng sinh sống tại nhà đất ở xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Nhà đất này do bố mẹ hai bên mua cho hai vợ chồng tôi, vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh T tự nguyện, tôi không có ý kiến gì.

* Về tài sản chung, nhà đất chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về công nợ chung: Tôi khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, không cho ai vay. Nếu sau khi ly hôn có người yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vay mượn của chúng tôi thì chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Về án phí: Tôi tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm, tôi đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa của anh Hoàng Duy T như sau:

* Về tình cảm: Quá trình vợ chồng kết hôn tự nguyện và chung sống tại xã T, huyện T, thành phố Hà Nội như chị H đã trình bày. Về mâu thuẫn chị H trình bày là đúng và khách quan. Tuy nhiên mâu thuẫn chủ yếu là do tính chất công việc của tôi thường đi làm về muộn, hay phải đi tiếp khách, chưa có nhiều thời gian quan tâm đến vợ con. Tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn, nay chị H xin ly hôn tôi không đồng ý, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Tôi sẽ cố gắng sắp xếp công việc, dành nhiều thời gian chăm sóc cho vợ con tốt hơn.

* Về con chung: Tôi xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Đức M, sinh ngày 19/10/2012 như chị H đã trình bày. Trường hợp phải ly hôn thì tôi thống nhất để cho chị H nuôi con, tôi tự nguyện đóng góp tiền nuôi con 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng. Hiện tại chúng tôi cùng sinh sống tại nhà đất ở xã T, huyện T, thành phố Hà Nội,

* Về tài sản chung, nhà đất chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về công nợ chung: Tôi khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, không cho ai vay. Nếu sau khi ly hôn có người yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vay mượn của chúng tôi thì chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì tham gia phiên toà xác định:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định, như: Điều tra, xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn được tạo mọi điều kiện tố tụng nhưng chưa thực sự hợp tác giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H; cho chị H được ly hôn anh T; giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; ghi nhận sự tự của anh T đóng góp tiền nuôi con chung là 2 triệu đồng/tháng. Anh T được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà; ý kiến quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú trên địa bàn huyện T, thành phố Hà Nội. Nay nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án ly hôn; Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1, 7 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự [1].

2. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 11/11/2011, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không có tiếng nói chung. Đặc biệt từ tháng đầu năm 2018 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai cả về kinh tế lẫn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương được biết: Về mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, do vậy mâu thuẫn giữa các anh chị ngày càng căng thẳng và khó hàn gắn được. Quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án đã hòa giải nhiều lần để các anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con cái, nhưng chị H có quan điểm không đoàn tụ được, vì anh T không quan tâm đến gia đình và còn xúc phạm chị và bố mẹ chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh T là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp thuận đơn xin ly hôn của chị H; áp dụng điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H được ly hôn với anh T là có căn cứ [2].

3. Về con chung: Xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Đức M, sinh ngày 19/10/2012. Xét chị H có công ăn việc làm ổn định và không phải đi công tác, có điều kiện chăm nuôi cháu M đảm bảo hơn anh T. Anh T cũng có công ăn việc làm ổn định, có chỗ ở nhưng thường xuyên phải đi công tác nên việc đảm bảo chăm nuôi và học hành không bằng chị H. Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung. Ghi nhận sự tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung của anh T là 02 triệu đồng/tháng kể từ tháng 03/2019 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết [4].

Về công nợ: Anh T và chị H khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì chị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật [5].

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội thì chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm [6].

6. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án theo luật định [7].

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vũ Thị Mai H đối với anh Hoàng Duy T. Chị H được ly hôn anh T.

2. **Về con chung:** Giao cháu Hoàng Đức M, sinh ngày 19/10/2012 cho chị Vũ Thị Mai H trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh T là 02 triệu đồng/tháng kể từ tháng 03/2019 đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Anh T được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung:** Anh chị tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét,

4. Về công nợ: Chị H và anh T khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì chị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị Mai H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008342 ngày 13/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THA huyện Thanh Trì;
- đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Đỗ Văn Nghiêm